

Bản án số: 49/2024/HS-ST
Ngày 26 - 8 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Đông và ông Lê Phú Mẫn.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Huy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Thiều - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 50/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Phi L, sinh năm 1989 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị L1; có vợ Trần Thị K (Đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28 tháng 9 năm 2023 bị Toà án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xử phạt 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; ngày 24 tháng 6 năm 2015 bị Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong. Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt 09 tháng tù từ ngày 14/12/2023 tại Trại giam N2, Cục C3, Bộ C4 và được trích xuất về Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

2. Lê Trọng K1, sinh năm 1992 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị H1; có vợ Nguyễn Nhật L2 và 02 con, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2023; tiền án: Ngày 27 tháng 9 năm 2022 bị Toà án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xử phạt 100.000.000 đồng về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”; chưa thi hành xong; tiền sự: Ngày 11 tháng 7 năm 2023 bị Công an thị xã D, tỉnh Hà Nam xử phạt hành chính 400.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” chấp hành xong quyết định ngày 14 tháng 7 năm 2023; nhân thân: Tháng 9 năm 2016 bị Cơ quan điều tra Công an

huyện D (Nay là thị xã D) khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích; tháng 11 năm 2016 được đình chỉ điều tra do bị hại rút yêu cầu. Ngày 09 tháng 11 năm 2016 bị Công an huyện D xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác. Ngày 26 tháng 9 năm 2018 bị Công an huyện D xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, đã chấp hành xong ngày 04 tháng 10 năm 2018. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19 tháng 01 năm 2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

- Các bị hại:

+ Anh Nguyễn Minh H2, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ A, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

+ Anh Nguyễn Thế D, sinh năm 2004; nơi cư trú: Thôn L, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Hồ Thị Bích D1, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt không có lý do.

+ Anh Nghiêm Anh T1, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt không có lý do.

+ Chị Hà Thị Thúy K2, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ dân phố số C, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt không có lý do.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Duy H3, sinh năm 1984; anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1980; anh Nguyễn Bá T2, sinh năm 1983; anh Phạm Văn C1, sinh năm 1988; anh Nguyễn Văn K3, sinh năm 1983; anh Lưu Hồng Q, sinh năm 1992; ông Lưu Xuân B, sinh năm 1963; ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1973; ông Chu Hồng Q1, sinh năm 1979; đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5 năm 2020 anh Nguyễn Minh H2 đến làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ phục vụ khách hát tại các quán hát Karaoke trên địa bàn thị xã D. Khi biết anh H2 làm dịch vụ này, Nghiêm Trí T3 có ý định muốn chiếm đoạt tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân nên bắt anh H2 phải đóng tiền hàng tháng (Tiền bảo kê) thì anh H2 mới được. Sau đó, T3 cùng một số đối tượng (Không xác định được nhân thân, lai lịch) đến gặp và yêu cầu chủ các quán hát Karaoke trên địa bàn xã C và khu vực lân cận không được gọi nhân viên nữ của anh H2 đến phục vụ khách hát Karaoke ở quán của mình. Theo yêu cầu của T3, các chủ quán hát Karaoke trên địa bàn đã không gọi nhân viên của anh H2 đến phục vụ khách hát tại các quán hát Karaoke. Thấy bị T3 và đồng bọn gây khó khăn, cản

trở việc thực hiện dịch vụ cung cấp nhân viên cho các quán hát Karaoke, anh H2 đã liên hệ gặp T3 để thỏa thuận việc nộp tiền và được thực hiện dịch vụ cung cấp nhân viên. Khoảng tháng 8 năm 2020, T3 cùng Nguyễn Phi L và một số đối tượng (Không xác định được nhân thân, lai lịch) đã gặp anh H2 tại quán C5, thuộc thôn Q, xã C, thị xã D để nói chuyện. Quá trình nói chuyện T3 đe dọa, yêu cầu anh H2 nếu muốn tiếp tục làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ cho các quán hát Karaoke trên địa bàn thì phải nộp tiền bảo kê cho T3 với số tiền 1.000.000 đồng/1 nhân viên/1 tháng.

Do lo sợ nếu không nộp tiền bảo kê, sẽ bị T3 tiếp tục gây khó khăn, cản trở không cho nhân viên của mình đến phục vụ tại các quán hát Karaoke nên anh H2 đồng ý, xin nộp số tiền 5.000.000 đồng/1 tháng và được T3 nhất trí (Thời điểm đó anh H2 đang quản lý 8 đến 9 nhân viên). T3 yêu cầu anh H2 nộp tiền bảo kê hàng tháng thông qua Nguyễn Phi L; sau đó, T3 đi chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 6 năm 2023, anh H2 đã sử dụng các tài khoản Ngân hàng số 002018399999 mang tên Nguyễn Minh H2 mở tại Ngân hàng TMCP Q2, Chi nhánh H8 (M1); tài khoản Ngân hàng số 2903205257200 mang tên Phạm Hùng A mở tại Ngân hàng N3, Chi nhánh H8 (A2); tài khoản Ngân hàng số 9358812393 mang tên Nguyễn Minh H2 mở tại Ngân hàng TMCP N4, Chi nhánh H8 (V) nhiều lần chuyển tổng số 96.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng số 9385580283 mang tên Nguyễn Phi L mở tại Ngân hàng V, Chi nhánh H8 để nộp tiền bảo kê cho T3, lần chuyển nhiều nhất 8.000.000 đồng, lần ít nhất 2.000.000 đồng; Trong đó, tài khoản số 002018399999 chuyển 05 lần tổng số 20.000.000 đồng, tài khoản số 2903205257200 chuyển 14 lần tổng số 73.000.000 đồng, tài khoản số 9358812393 chuyển 01 lần 3.000.000 đồng. Nhận được tiền, T3 chỉ đạo Nguyễn Phi L chuyển 81.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng số 0901000104717 của chị Hồ Thị Bích D1 (Vợ T) mở tại Ngân hàng V Chi nhánh H8; chuyển 15.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng số 3195999999 mở tại Ngân hàng M1 mang tên Nghiêm Anh T1, trú tại tổ dân phố Đ, phường C, thị xã D và tài khoản 0901000111235 mang tên Nguyễn Mạnh H4 do T1 sử dụng để trả nợ.

Tháng 7 năm 2023, T3 chấp hành xong án phạt tù về địa phương, thấy anh Nguyễn Văn M đến xã C, thị xã D thuê phòng trọ và làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ phục vụ khách hát tại các quán hát Karaoke giống anh Nguyễn Minh H2. T3 đã gặp và yêu cầu anh M phải nộp tiền bảo kê cho T3 với số tiền 1.000.000 đồng/1 nhân viên/1 tháng. Anh M lo sợ nếu không nộp tiền bảo kê theo yêu cầu của T3 thì sẽ bị T3 gây khó khăn, cản trở việc làm ăn nên anh M đồng ý nộp tiền bảo kê cho T3. Ngày 23/10/2023, anh M sử dụng tài khoản Ngân hàng số 0901000103033 mang tên Nguyễn Văn M mở tại Ngân hàng V, Chi nhánh H8 chuyển 5.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng số 0901000104717 mang tên Hồ Thị Bích D1 mở tại Ngân hàng V Chi nhánh H8 để nộp tiền bảo kê cho T3.

Tối ngày 20/11/2023, tại nhà hàng Q3 thuộc khu đô thị H, phường H, thị xã D, T3 cùng với Lê Trọng K1 và Nguyễn Tuấn A1 trực tiếp gặp anh H2, anh M,

anh Nguyễn Thế D, cùng một số người khác làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ cho các quán hát Karaoke trên địa bàn xã C và khu vực lân cận để tiếp tục yêu cầu nộp tiền bảo kê. Tại đây, T3 và K1 yêu cầu anh H2, anh M, anh D và những người làm dịch vụ cung cấp nhân viên khác phải nộp tiền bảo kê là 1.000.000 đồng/1 nhân viên/1 tháng thì mới cho hoạt động; đồng thời, giao cho Nguyễn Tuấn A1 thực hiện việc thu tiền. Sau buổi gặp tại nhà hàng Q3, K1 nhiều lần yêu cầu anh Nguyễn Thế D nộp tiền. Do anh D chưa nộp tiền nên nhân viên của anh D đi phục vụ tại các quán H9 đã bị một số đối tượng (Không rõ tên tuổi) đe dọa, chặn đường không cho đi làm. Thấy bị gây khó khăn, anh D đã cho nhân viên tạm nghỉ làm một thời gian; sau đó, K1 chỉ đạo Tuấn A1 nhiều lần liên hệ qua điện thoại thúc giục, yêu cầu anh D nộp tiền, thời điểm này anh D đang quản lý 07 nhân viên, Tuấn A1 yêu cầu anh D phải nộp số tiền là 7.000.000 đồng. Anh D lo sợ nếu không nộp tiền sẽ bị gây khó khăn cho việc làm ăn hoặc nhân viên đi làm sẽ bị chặn đánh nên đã đồng ý và nộp tiền bảo kê cho nhóm của T3, K1 để được tiếp tục hoạt động. Chiều ngày 06/12/2023, Tuấn A1 nhắn tin cho anh D có nội dung “Số tài khoản 5150847935 mang tên Ho Thị T4 mở tại Ngân hàng B1”. Do tài khoản Ngân hàng không có đủ tiền, anh D hẹn Tuấn A1 trưa ngày 07/12/2023 đến nhà trọ của D tại khu vực chợ H10, thị xã D để D đưa tiền, D gọi điện thoại cho chị Hà Thị Thúy K2 (Vợ D) để chị K2 đưa tiền cho Tuấn A1. Khoảng 13 giờ ngày 07/12/2023, Tuấn A1 đến nhà trọ để thu tiền thì chị K2 đã đưa cho Tuấn A1 số tiền 7.000.000 đồng để nộp tiền bảo kê cho T3.

Thấy anh H2, anh M không nộp tiền bảo kê, nhiều lần T3, K1 và Tuấn A1 gặp và yêu cầu anh H2, anh M phải nộp tiền. Do mức tiền T3, K1 yêu cầu phải nộp quá cao nên anh H2, anh M chỉ đồng ý nộp số tiền 5.000.000 đồng/1 tháng nhưng T3, K1 không đồng ý. Ngày 04/12/2023 T3, K1 cùng một số đối tượng (Không rõ tên, tuổi) đến các quán hát Karaoke Á, W, Hào H5, Hải N1, Hải Nam 2... yêu cầu các chủ quán không được gọi nhân viên của anh H2, anh M đến phục vụ khách hát Karaoke.

Khoảng 22 giờ ngày 06/12/2023, T3, K1 và một số đối tượng (Không rõ tên, tuổi) đến nhà trọ của anh H2 yêu cầu nộp tiền bảo kê và nói “Anh H2 ơi, từ bây giờ không phải nói chuyện nữa, bọn em không cho anh làm ở đây đâu”; K1 nói tiếp “Để gọi cả thằng M ra đây đéo cho làm luôn”. Sau đó, K1 gọi điện thoại cho anh M nói “Anh sang bên nhà anh H2 anh em mình nói chuyện”. Lúc này, anh M đang ở nhà trọ của mình cùng với Phạm Văn Đ1 và anh Quảng Văn H6 (Là bạn của anh M đến nhà trọ chơi); anh M rủ Đ1 và H6 đi cùng. Khi đi, Đ1 giấu khẩu súng, dạng súng tự chế thuộc vũ khí quân dụng, bên trong khẩu súng có 06 viên đạn được Đ1 mang đến phòng trọ anh M trước đó. Khi anh H6 chở anh M và Đ1 đến vừa xuống xe thì Đ1 bị T3 lao đến đâm vào mặt, ngực và ghi cổ Đ1 xuống; K1 lao đến đâm vào mặt anh M. Bị đánh anh M và Đ1 bỏ chạy vào phía bên trong nhà trọ của anh H2 thì bị T3, K1 và một số thanh niên đuổi theo vào nhà trọ. Khi Đ1 chạy qua cổng sắt của nhà trọ khoảng 02m đến 03m, Đ1 dừng lại lấy khẩu súng từ trong người ra, xoay người lại cầm súng ở tay phải chĩa thẳng súng về phía T3, K1. Khi còn cách khoảng 01m, Đ1 bắn liên tiếp 02

phát súng về phía T3, K1; trong đó 01 viên trúng vào vùng trán phía bên trái của T3, 01 viên trúng vào cánh tay phải của K1.

Căn cứ tài liệu điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở đối với Lê Trọng K1; đồng thời, thu giữ của K1 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 230 được niêm phong (Ký hiệu TK1), ngoài ra không thu giữ đồ vật tài liệu gì khác.

Anh Nguyễn Minh H2 giao nộp 01 thẻ nhớ nhãn hiệu MIXIE, loại MicrSD dung lượng 32GB; 01 thẻ nhớ MicrSD nhãn hiệu MIXIE, dung lượng 32 GB, trên bề mặt thẻ nhớ có chữ số “SMQ0222”; 01 thẻ nhớ MicrSD, nhãn hiệu MIXIE, dung lượng 32 GB, trên bề mặt thẻ nhớ có chữ số “SMQ421”, tất cả được niêm phong (Ký hiệu TN2). Anh Nguyễn Văn M giao nộp 01 USB màu trắng, nhãn hiệu Kingston, dung lượng 16GB có chứa nội dung cuộc trao đổi giữa anh M với Nghiêm Trí T3 về việc T3 yêu cầu anh M nộp tiền bảo kê. Anh Nguyễn Thế D giao nộp hình ảnh chụp từ điện thoại thể hiện Nguyễn Tuấn A1 cung cấp tài khoản Ngân hàng cho anh D, có xác nhận của anh D.

Khai thác dữ liệu USB do anh M giao nộp là file ghi âm có chứa nội dung cuộc trao đổi giữa anh M với Nghiêm Trí T3 về việc T3 yêu cầu anh M đóng tiền bảo kê, được lập thành biên bản thể hiện dưới dạng đọc được.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành kiểm tra dữ liệu điện thoại của OPPO A15, số thuê bao 0972.740.882 của anh Nguyễn Minh H2 phát hiện mục danh bạ có lưu tên Long H7, số điện thoại 0385.580.283; tên L HM2, số điện thoại 0965.989.628; tên T3 Quảng số điện thoại 0978.888.862. Mục tin nhắn có nhiều tin nhắn giữa anh H2 với L có liên quan đến vụ án, tất cả được in ra giấy A4 có chữ ký xác nhận của anh H2.

Ngày 21/3/2024, Cơ quan điều tra tổ chức cho chị Hà Thị Thúy K2, anh Nguyễn Thế D nhận dạng Nguyễn Tuấn A1. Kết quả nhận dạng ảnh, chị K2 và anh D đều nhận được ảnh số 2 là Nguyễn Tuấn A1 (Tên gọi khác là C2) trong bản ảnh nhận dạng.

Thu giữ lịch sử giao dịch tài khoản Ngân hàng số 938580283, Chủ tài khoản Nguyễn Phi L; tài khoản Ngân hàng S, Chủ tài khoản Hồ Thị Bích D1; tài khoản Ngân hàng S1, Chủ tài khoản Nguyễn Văn M; tài khoản Ngân hàng S2, Chủ tài khoản Nghiêm Trí T3 phát hiện các giao dịch L chuyển tiền cho D1 và Anh T1; D1 chuyển tiền cho T3; anh M chuyển tiền cho D1.

Thu giữ lịch sử giao dịch tài khoản Ngân hàng số 002018399999, Chủ tài khoản Nguyễn Minh H2; tài khoản Ngân hàng số 2903205257200 mang tên Phạm Hùng A do anh H2 quản lý sử dụng phát hiện có nhiều giao dịch anh H2 chuyển tiền cho L.

Ngày 18/01/2024, Cơ quan điều tra phối hợp với Phòng nghiệp vụ và Ngoại tuyến Công an tỉnh H thực hiện khai thác dữ liệu chiếc thẻ nhớ được niêm phong trong phong bì do anh H2 giao nộp; sau khi khai thác Phòng nghiệp vụ và Ngoại tuyến đã bàn giao cho Cơ quan điều tra được niêm phong (Ký hiệu TN). Toàn bộ dữ liệu được trích xuất ra 01 chiếc USB ký hiệu Lexar Jumpdrive S80,

kết quả khai thác USB ký hiệu Lexar Jumpdrive S80 không phát hiện thấy có dữ liệu liên quan đến vụ án.

Tại bản Kết luận giám định số 1633/KL-KTHS ngày 17/5/2024 của V1 Bộ C4, kết luận: Đã phục hồi 22 tệp video, 22 tệp ảnh trong thẻ nhớ, không xác định được thẻ nhớ trên có bị cắt ghép xóa dữ liệu không; không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trong nội dung các tệp phục hồi được; thẻ nhớ đã thu giữ có cùng nhãn hiệu MIXIE. Khai thác dữ liệu giám định lưu giữ trong đĩa CD-R chứa dữ liệu phục hồi không phát hiện thấy có dữ liệu liên quan đến vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Minh H2 yêu cầu Nguyễn Phi L phải trả số tiền 96.000.000 đồng đã chiếm đoạt và đối trừ số tiền 15.000.000 đồng mà anh Nghiêm Anh T1 đã trả anh H2; còn lại L phải trả anh H2 số tiền 81.000.000 đồng. Đối với số tiền 7.000.000 đồng, Lê Trọng K1 và Nguyễn Tuấn A1 chiếm đoạt của anh Nguyễn Thế D đã được gia đình Nguyễn Tuấn A1 trả lại cho anh Nguyễn Thế D vào ngày 25 tháng 7 năm 2024. Về số tiền 5.000.000 đồng mà Nghiêm Trí T3 chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn M; nay anh M yêu cầu T3 phải trả.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKS-P2 ngày 28 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Nguyễn Phi L về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự; Lê Trọng K1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên quan điểm truy tố; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phi L và Lê Trọng K1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 170; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự (Đối với Ké); điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự (Đối với L); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 35; Điều 47; Điều 48 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự (Đối với các bị cáo). Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Phi L từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; tổng hợp hình phạt của Bản án số 81/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2013 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam buộc bị cáo Nguyễn Phi L phải chấp hành chung cho cả hai bản án từ 04 năm 09 tháng tù đến 05 năm 03 tháng tù và Lê Trọng K1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Phi L và Lê Trọng K1 mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo Nguyễn Phi L phải trả anh Nguyễn Minh H2 số tiền 81.000.000 đồng và đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230. Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật và án phí dân sự sơ thẩm bị cáo L phải chịu án phí theo giá ngạch.

Các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam.

Lời nói sau cùng của các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại (Anh Nguyễn Thế D), những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các nhân chứng đều vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa và Kiểm sát viên đều đề nghị tiếp tục xét xử; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh, tính chất mức độ phạm tội

[3.1] Về tội danh, quá trình tranh tụng tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận các tình tiết trong Cáo trạng đúng với nội dung vụ án và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án như lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng; kết quả lịch sử giao dịch tài khoản Ngân hàng và các tài liệu chứng cứ khác. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Lấy lý do thu tiền để làm quỹ thăm nuôi các đối tượng đang phải chấp hành án tại các Trại tạm giam. Nghiêm Trí T3, Nguyễn Phi L là đối tượng có tiền án, nhân thân xấu cùng một số đối tượng khác (Không xác định được tên, tuổi và địa chỉ) đã yêu cầu những người làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ phục vụ khách hát tại các quán hát Karaoke trên địa bàn xã C và các xã lân cận thuộc thị xã D phải nộp tiền bảo kê hàng tháng.

Để thực hiện mục đích của mình, T3 và một số đối tượng khác (Không xác định được tên, tuổi và địa chỉ) đến gặp các chủ quán hát Karaoke trên địa bàn xã C yêu cầu không được gọi nhân viên nữ của những người làm dịch vụ nhưng không đóng tiền bảo kê cho T3. Sau đó, T3 và L gặp anh Nguyễn Minh H2 người làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ phục vụ khách hát tại các quán hát Karaoke yêu cầu anh H2 phải nộp tiền bảo kê cho T3 với số tiền 1.000.000 đồng/1 nhân viên/1 tháng. Lo sợ bị T3 gây khó khăn, cản trở nhân viên cũng như hoạt động dịch vụ của mình, hàng tháng anh H2 phải nộp cho T3 5.000.000 đồng thông qua chuyển khoản cho L và được một thời gian thì T3 đi chấp hành

án tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 6 năm 2023, anh H2 đã sử dụng các tài khoản Ngân hàng và 20 lần chuyển tổng số 96.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng số 9385580283 của Nguyễn Phi L để nộp tiền bảo kê cho T3, lần chuyển nhiều nhất là 8.000.000 đồng, lần ít nhất là 2.000.000 đồng. Nhận được tiền, L chuyển 81.000.000 đồng cho chị Hồ Thị Bích D1 (Vợ T3) để sử dụng cá nhân; chuyển 15.000.000 đồng trả nợ anh Nghiêm Anh T1.

Tháng 7 năm 2023, T3 chấp hành xong án phạt tù về địa phương, thấy anh Nguyễn Văn M làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ, T3 yêu cầu anh M nộp tiền bảo kê. Lo sợ bị gây khó khăn, ngày 23/10/2023, anh M sử dụng tài khoản Ngân hàng chuyển 5.000.000 đồng cho chị Hồ Thị Bích D1 để nộp tiền bảo kê cho T3.

Tối ngày 20/11/2023, tại nhà hàng Q3 thuộc Khu đô thị H, phường H, thị xã D, Nghiêm T, Lê Trọng K1 và Nguyễn Tuấn A1 (Tức C2) gặp anh H2, anh M, anh D cùng một số người khác làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ. T3, K1, Tuấn A1 yêu cầu những người này phải nộp tiền bảo kê là 1.000.000 đồng/1 nhân viên/1 tháng thì mới cho hoạt động; đồng thời, giao cho Nguyễn Tuấn A1 thực hiện việc thu tiền. Thấy bị gây khó khăn, ngày 07/12/2023 anh D phải đưa cho Tuấn A1 7.000.000 đồng để nộp tiền bảo kê cho T3 và K1.

Đề buộc những người làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ phải đóng tiền cho mình, khoảng 22 giờ ngày 06/12/2023 T3, K1 và một số đối tượng đến khu nhà trọ của anh H2 để yêu cầu anh H2, anh M nộp tiền bảo kê thì mới cho hoạt động. Tại đây, T3, K1 đã sử dụng chân tay không đánh Phạm Văn Đ1 và anh M thì bị Đ1 sử dụng súng tự chế thuộc vũ khí quân dụng bắn liên tiếp 02 phát súng về phía T3, K1; trong đó 01 viên trúng vào vùng trán phía bên trái của T3, 01 viên trúng vào cánh tay phải của K1.

Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”; bị cáo Nguyễn Phi L chiếm đoạt số tiền 96.000.000 đồng được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Trọng K1 cùng đồng phạm chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng được quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố các bị cáo có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3.2] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản (Tiền) của những người bị hại được pháp luật bảo vệ; các bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với động cơ tư lợi cá nhân, ý thức coi thường pháp luật các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây thiệt hại trực tiếp về tài sản của người bị hại, gây dư luận xấu, làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về vị trí, vai trò của các bị cáo thì thấy: Nghiêm Trí T3 là chủ mưu, cầm đầu và phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền 108.000.000 đồng đã

chiếm đoạt của bị hại, nên giữ vai trò thứ nhất; Nguyễn Phi L đồng phạm với T3 và chịu trách nhiệm hình sự với số tiền 96.000.000 đồng chiếm đoạt của anh Nguyễn Minh H2, nên giữ vai trò thứ hai; Lê Trọng K1 và Nguyễn Tuấn A1 đồng phạm với T3 và chịu trách nhiệm hình sự với số tiền 7.000.000 đồng chiếm đoạt của anh Nguyễn Thế D, nên giữ vai trò thứ ba trong vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể cho nhau nên hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

[5.1] Nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân rất xấu; bị cáo Nguyễn Phi L đã hai lần bị xét xử về các tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Lê Trọng K1 có tiền án về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” và nhiều lần bị xử phạt hành chính.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Phi L phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Trọng K1 phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ, cũng như hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian phải mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung. Đối với bị cáo Nguyễn Phi L hiện đang chấp hành hình phạt 09 tháng tù theo Bản án số 81/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2013 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam từ ngày 14 tháng 12 năm 2023 đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 5 Điều 170 của Bộ luật Hình sự; phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Phi L và Lê Trọng K1 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Phi L phải trả số tiền 81.000.000 đồng cho anh Nguyễn Minh H2; khi nào bắt được Nghiêm Trí T3 và xét xử sẽ buộc T3 phải trả lại cho Nguyễn Phi L sau. Đối với số tiền 15.000.000 đồng mà bị cáo L trả nợ anh Nghiêm Anh T1 là tiền do T3 và L chiếm đoạt của anh H2. Quá trình điều tra, anh T1 đã tự nguyện trả lại cho anh H2 là đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa, anh H2 nhất trí và không có ý kiến đề nghị gì.

Về số tiền 7.000.000 đồng do Lê Trọng K1 và Nguyễn Tuấn A1 chiếm đoạt của anh Nguyễn Thế D đã được gia đình Nguyễn Tuấn A1 trả lại cho anh Nguyễn Thế D ngày 25 tháng 7 năm 2024 nên không đặt ra xem xét trong vụ án này. Đối với số tiền 5.000.000 đồng do Nghiêm Trí T3 chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn M; tại phiên toà anh M yêu cầu T3 phải trả nên sẽ được giải quyết khi bắt được T3.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 03 thẻ nhớ nhãn hiệu MIXIE, loại MicroSD, dung lượng 32GB là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Minh H2; sau khi tiến hành khai thác Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H2 là đúng quy định. Riêng 01 USB màu trắng, nhãn hiệu Kingston là chứng cứ của vụ án được lưu hồ sơ để phục vụ xét xử. Đối với các vật chứng khác được chuyển theo vụ án Phạm Văn Đ1 bị khởi tố về tội “Giết người và Tàng trữ, sử dụng vũ khí quân dụng”. Riêng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230 của Lê Trọng K1 là vật chứng của vụ án cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với Nghiêm Trí T3 đang bị truy nã, Cơ quan điều tra tách vụ án khi nào bắt được T3 sẽ xử lý sau; còn Nguyễn Tuấn A1 đã đầu thú và đang chờ xét xử theo quy định. Riêng chị Hồ Thị Bích D1 (Vợ T6) sử dụng tài khoản Ngân hàng số 0901000104717 để nhận tiền do Nguyễn Phi L và anh Nguyễn Văn M chuyển đến để nộp tiền bảo kê cho T6. Anh Nghiêm Anh T1 được Nguyễn Phi L chuyển 15.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng số 3195999999 mở tại Ngân hàng M1 mang tên Nghiêm Anh T1 và tài khoản 0901000111235 mang tên Nguyễn Mạnh H4 do Anh T1 sử dụng. Quá trình điều tra, chị D1 khai không biết T6 và L nhận tiền bảo kê của những người làm dịch vụ cung cấp nhân viên nữ và sử dụng theo chỉ đạo của T6. Anh T1 khai số tiền L chuyển là do L trả nợ; tuy nhiên, ngoài số tiền trên anh T1 còn được T6 nhiều lần chuyển tiền đến tài khoản Ngân hàng. Do T6 đang bỏ trốn nên chưa đủ căn cứ kết luận; Cơ quan điều tra tách hành vi của chị D1 và anh Nghiêm Anh T1 ra để tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào bắt được Nghiêm Trí T3 sẽ xử lý theo quy định là có căn cứ. Đối với hành vi phạm tội của Phạm Văn Đ1 được tách ra để xử lý ở vụ án độc lập khác là phù hợp pháp luật.

[12] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Riêng bị cáo Nguyễn Phi L còn phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải bồi thường cho bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1, khoản 5 Điều 170; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự (Đối với Ké); điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 170; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự (Đối với L); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 35; Điều 47; Điều 48 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự (Đối với các bị cáo). Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các Điều 106; 136; 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phi L và Lê Trọng K1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Phi L 04 (Bốn) năm tù; tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của Bản án số 81/2023/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2013 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam buộc bị cáo Nguyễn Phi L phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14 tháng 12 năm 2023.

- Bị cáo Lê Trọng K1 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 01 năm 2024.

- Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Phi L, Lê Trọng K1 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Phi L phải trả lại anh Nguyễn Minh H2 số tiền 81.000.000 đồng (T7 mươi một triệu đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam ngày 04 tháng 7 năm 2024).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Phi L và Lê Trọng K1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Phi L phải nộp 4.050.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV & THAHS Tòa án tỉnh Hà Nam;
- UBND phường Châu Giang; thị xã Duy Tiên;
- UBND phường Hoà Mạc, thị xã Duy Tiên;
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Đương sự;
- Bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy